

Tuyên Quang, ngày 02 tháng 10 năm 2019

BÁO CÁO

Kết quả sản xuất vụ mùa, vụ hè thu, tiến độ sản xuất vụ đông năm 2019; triển khai kế hoạch sản xuất vụ đông xuân 2019-2020

Căn cứ Văn bản số 1147/TT-CCN ngày 23/9/2019 của Cục Trồng trọt về việc sơ kết sản xuất vụ hè thu, mùa 2019, triển khai kế hoạch sản xuất vụ đông xuân 2019-2020 các tỉnh phía Bắc. Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Tuyên Quang báo cáo như sau:

I. Đánh giá kết quả sản xuất vụ mùa, vụ hè thu, tiến độ sản xuất vụ đông năm 2019

1. Thuận lợi

- Sản xuất nông nghiệp luôn được sự quan tâm, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và sự phối hợp của các Sở, Ban, Ngành, cấp ủy, chính quyền các địa phương đã góp phần đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch được giao.

- Ngay từ đầu vụ sản xuất, các cấp chính quyền từ tỉnh đến cơ sở, cùng các đơn vị chuyên môn đã bám sát cơ sở đôn đốc, hướng dẫn nhân dân tổ chức sản xuất theo đúng lịch thời vụ; chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh kịp thời, an toàn, hiệu quả.

- Sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan chuyên môn với các cấp chính quyền địa phương trong công tác chỉ đạo sản xuất đã trực tiếp thúc đẩy người dân chú trọng đầu tư thâm canh tăng năng suất, chất lượng sản phẩm cây trồng, tăng lợi nhuận từ sản xuất.

- Công tác phòng chống dịch bệnh cho cây trồng được các địa phương chủ động triển khai thực hiện; dự tính, dự báo sâu bệnh hại chính xác, kịp thời. Việc tuyên truyền, hướng dẫn và tổ chức phòng trừ dịch hại được các đơn vị chuyên môn và chính quyền cơ sở phối hợp chặt chẽ nên các đợt phát sinh sâu bệnh hại trong vụ đều được khống chế không lan ra diện rộng.

- Nhiều tiên bộ kỹ thuật mới, giống mới, mô hình sản xuất hiệu quả đã và đang được nhân rộng trong sản xuất.

2. Khó khăn

- Xây dựng cánh đồng sản xuất tập trung cùng giống, cùng trà còn hạn chế do đồng ruộng còn manh mún, ảnh hưởng đến áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất. Phần lớn lao động trẻ ở các vùng nông thôn đi làm công nhân ở các khu công nghiệp trong và ngoài tỉnh dẫn đến thiếu lao động cục bộ ở thời điểm giáp vụ.

- Việc liên kết với Doanh nghiệp xây dựng mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm triển khai thực hiện còn chậm.

- Các vùng sản xuất hàng hóa tập trung qui mô còn hạn chế, chưa phát triển được thành những vùng chuyên canh lớn có hợp đồng bao tiêu sản phẩm.

- Thời tiết có những diễn biến bất thường, do ảnh hưởng của hoàn lưu bão số 3, số 4, số 5 từ đầu tháng 7 đến đầu tháng 9, gây mưa lớn trên diện rộng, lũ quét, gió lốc làm ảnh hưởng đến sinh trưởng của cây lúa, cây màu vụ mùa.

2. Kết quả sản xuất vụ mùa, vụ hè thu

2.1. Sản xuất lúa mùa

Diện tích thực hiện 25.103 ha, đạt 100,2% so với KH, bằng 99,6% so với cùng kỳ năm 2018; năng suất ước đạt 58,4 tạ/ha, đạt 99,9% KH, tăng 1,3 tạ/ha so với năm 2018; sản lượng ước đạt 146.568 tấn, đạt 100,1% KH, bằng 101,8% so với năm 2018; trong đó: Diện tích lúa lai 9.521 ha, đạt 98,6% KH, bằng 105,5% so với cùng kỳ năm 2018, năng suất ước đạt 63,8 tạ/ha, sản lượng ước đạt 60.780 tấn; lúa thuần 15.581 ha, đạt 101,3% KH, bằng 96,4% so với cùng kỳ năm 2018, năng suất ước đạt 55,1 tạ/ha, sản lượng ước đạt 85.787 tấn.

Cơ cấu giống: Diện tích cây lúa lai chiếm 37,9% diện tích lúa cây, chủ lực là các giống: Tạp giao 1 chiếm 8,3%, Nhị ưu 838 chiếm 10,4%, Thái Xuyên 111 chiếm 6%, BC 15 chiếm 10,1%, Khang dân 18 chiếm 10,3%, Thiên ưu 8 chiếm 7,3%, TBR 225 chiếm 5,2%; giống lúa thuần chất lượng cao đạt 3.879 ha, chiếm 15,4%; các giống có diện tích từ 300 đến 800 ha gồm: các giống lúa lai GS9, Hương ưu 98, Hoa ưu số 2 và các giống lúa thuần: Đài thơm 8, Bắc thơm số 7, Nếp IRI 352, N97. Còn lại là các giống lúa khác.

** Đánh giá chung về cây lúa:*

- Diện tích gieo cấy giống lúa lai Tạp giao 1, Khang dân 18 là những giống chủ lực, có diện tích gieo cấy nhiều nhất trong suốt 20 năm qua đã giảm nhiều, không còn đứng đầu tiên mà nhường vị trí cho những giống khác có ưu thế về năng suất và chất lượng.

- Diện tích lúa chất lượng ngày càng được mở rộng, giống HT 1 là giống chủ lực của nhóm lúa chất lượng nay đã được thay thế dần bằng giống chất lượng có năng suất cao, được ưa chuộng hơn như Bắc hương 9, Đài Thơm 8,...

2.2. Sản xuất cây màu vụ hè thu

- Cây ngô: Diện tích thực hiện 4.518 ha, đạt 114,1% KH, bằng 101,9% so với cùng kỳ năm 2018; năng suất ước đạt 47,6 tạ/ha, sản lượng 21.511 tấn, đạt 114,3% KH; bằng 107,5% so với cùng kỳ năm 2018. Toàn bộ diện tích trong kế hoạch được gieo trồng bằng các giống ngô lai, các giống chủ lực là NK4300 chiếm 24,3% diện tích gieo trồng, LVN 99 chiếm 12,8%, CP3Q chiếm 13,5%, còn lại là các giống khác.

Diện tích và cơ cấu giống ngô giữ ổn định, không có đột biến so với năm 2018. Riêng giống ngô biến đổi gen diện tích thu hẹp dần do giá giống cao, các đặc tính ưu việt của giống như: kháng thuốc trừ cỏ, kháng sâu đục thân đều không phải là các yếu tố quyết định trong thâm canh ngô ở địa phương lên năng suất, chất lượng chưa có sự vượt trội nhiều so với ngô lai thường.

- Cây lạc: Diện tích thực hiện 1.257 ha, đạt 118,9% KH, bằng 119,9% so với cùng kỳ năm 2018. Chủ lực là giống L14 chiếm 90,% diện tích gieo trồng, còn lại là các giống khác.

- Cây đậu tương: Diện tích thực hiện 483 ha, đạt 96,6% KH, bằng 118,5% so với cùng kỳ năm 2018. Sử dụng giống DT 84 chiếm 94,2% diện tích gieo trồng, còn lại là các giống khác.

3. Kết quả chuyển đổi trồng lúa sang trồng các loại cây trồng khác năm 2019

Năm 2019 đã chuyển đổi 34 ha từ trồng lúa 1 vụ sang trồng cây lạc tại huyện Lâm Bình.

4. Tiến độ sản xuất vụ đông

- Cây ngô: Đến ngày 30/9 đã trồng 5.578,5 ha/4.686 ha KH, đạt 119% KH, trong đó trên ruộng 3.646 ha/2.830 ha KH, đạt 128,8% KH.

- Cây màu khác: Đến ngày 30/9 đã trồng 84,7 ha ngô thức ăn gia súc, 18,5 ha lạc, 148 ha rau đậu các loại.

5. Một số mô hình sản xuất điển hình, ứng dụng tiên bộ kỹ thuật mới

- Phối hợp với các đơn vị chuyên môn thực hiện 20 mô hình trình diễn áp dụng các giống mới, tiên bộ kỹ thuật mới: Mô hình giống lúa lai *MHC2, QL301, Phúc Thái 168*; lúa thuần *Hà Phát 3, Đông A1, TBR 27, VNR20, Dục Hương, HANA 318, HANA Số 7, BC15 có chuyển gen kháng đạo ôn (Pita)*, ... các mô hình thử nghiệm giống ngô mới như: *NK 6253, NK 7328, DK9955*... nhiều mô hình đã được hội nghị đầu bờ tổng kết, đánh giá đạt hiệu quả kinh tế cao và được nông dân hưởng ứng nhân rộng ra sản xuất.

- Diện tích lúa chất lượng cao vụ mùa năm 2019 tại các huyện, thành phố 3.878,6 ha, đạt 15,5% diện tích gieo trồng lúa mùa

- Hướng dẫn các hộ tham gia mô hình sản xuất cam hữu cơ tại xã Tân Thành và thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên với diện tích 30 ha/17 hộ; mô hình sản xuất bưởi hữu cơ tại xã Phúc Ninh, huyện Yên Sơn với diện tích 25 ha/25 hộ. Hướng dẫn các hộ ủ phân hữu cơ, chế biến dinh dưỡng từ đố tương, cá, quả chuối thay thế phân hóa học đạm, ka ly. Quản lý 100% các hộ không sử dụng thuốc trừ cỏ; quản lý nhện hại bằng biện pháp tưới áp lực, rửa cây...

III. Dự kiến kế hoạch sản xuất vụ đông xuân năm 2019-2020

1. Kế hoạch

- Cây lúa: Diện tích 18.797ha, năng suất 60,9 tạ/ha, sản lượng 11,45 vạn tấn.
- Cây ngô: Diện tích 8.128 ha, năng suất 48,4 tạ/ha, sản lượng 3,94 vạn tấn.
- Cây lạc: Diện tích 3.348 ha, trong đó trên ruộng 01 vụ là 2.004 ha.
- Cây đậu tương: Diện tích 140 ha.

2. Một số giải pháp triển khai sản xuất vụ đông xuân năm 2019-2020

Để đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch sản xuất nông nghiệp vụ đông xuân 2019-2020 các cơ quan chuyên môn, chính quyền tại địa phương trong tỉnh chuẩn bị thực hiện tốt một số giải pháp cụ thể như sau:

2.1. Giải pháp về công tác chỉ đạo

- Đẩy mạnh việc chuyển đổi cơ cấu giống và cây trồng, áp dụng khoa học công nghệ, xây dựng cánh đồng lớn, các vùng sản xuất đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm gắn với xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu và liên kết trong sản xuất và tiêu thụ...

- Chủ động xử lý và có kế hoạch ứng phó với các tình huống bất lợi trong sản xuất nông nghiệp; tăng cường lực lượng cán bộ kỹ thuật xuống cơ sở chỉ đạo, hướng dẫn về cơ cấu giống, lịch thời vụ, các tiến bộ kỹ thuật mới và xử lý ứng phó với tác động của điều kiện thời tiết bất lợi.

- Đôn đốc UBND cấp xã, Ban quản lý công trình thủy lợi cơ sở, các Hợp tác xã nông nghiệp và các đơn vị liên quan đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình thủy lợi, kênh mương nội đồng, đảm bảo kịp thời phục vụ tưới để làm đất, gieo cấy vụ đông xuân. Xây dựng phương án phòng chống hạn hán bằng các nguồn lực chủ động ở địa phương.

- Hướng dẫn nhân dân tăng cường mở rộng ứng dụng các tiến bộ mới đã được đánh giá có hiệu quả cao vào sản xuất đại trà để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm nông sản, tăng giá trị của sản xuất.

- Tăng cường kiểm tra chất lượng, giá bán giống, vật tư nông nghiệp. Không để tình trạng thiếu giống, vật tư phục vụ sản xuất; kiên quyết xử lý những tổ chức cá nhân kinh doanh giống, vật tư kém chất lượng gây thiệt hại cho người sản xuất.

2.2. Giải pháp về đầu tư thâm canh

- Huy động mọi nguồn lực về lao động, máy móc làm đất để đảm bảo thời vụ. Áp dụng biện pháp che phủ nilon cho toàn bộ diện tích mạ để đảm bảo có đủ mạ cho sản xuất.

- Đẩy mạnh đầu tư, thâm canh cây trồng, đưa giống mới, tiến bộ kỹ thuật mới, đưa cơ giới hóa vào sản xuất; kiểm tra, quản lý chặt chẽ nguồn nước từ các công trình thủy lợi, sử dụng nguồn nước tưới đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và có kế hoạch tích nước để phục vụ cho sản xuất vụ đông xuân 2019 - 2020.

- Chú trọng việc kiểm tra giám sát đồng ruộng, kịp thời phát hiện và hướng dẫn phòng trừ sâu, bệnh hại hiệu quả đảm bảo không để sâu bệnh phát sinh gây hại ra diện rộng làm ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng cây trồng. Đặc biệt lưu ý đối với một số loại sâu, bệnh hại như: Khô vằn, đạo ôn, bạc lá, đốm sọc vi khuẩn, bệnh đạo ôn cổ bông, bọ xít, sâu đục thân, sâu keo mùa thu hại ngô, ...

- Hướng dẫn các hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất nông nghiệp thực hiện vùng sản xuất tập trung nhằm khai thác tiềm năng, thế mạnh của địa phương và liên kết tiêu thụ sản phẩm sau thu hoạch cho người nông dân.

Sở Nông nghiệp và PTNT Tuyên Quang trân trọng báo cáo./.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Cục Trồng trọt; (Báo cáo)
- Giám đốc Sở;
- Các Phó Giám đốc Sở;
- UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Khuyến nông;
- Phòng KH-TC Sở;
- Các Chi cục: TT&BVTV, T.Lợi; (TH)
- QLCL NLS & TS, PTNT;
- Lưu VT.

Nguyễn Đại Thành